

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST
Ngày 02-02-2021
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Ánh Duyên
2. Ông Nguyễn Văn Trò

- Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Trọng Tú- Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Khánh Linh- Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê-tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 49/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXX-ST ngày 04 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1- ***Nguyên đơn:*** Chị **Võ Thị N** -sinh năm 1984; nơi cư trú: Khu G, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

2 - ***Bị đơn:*** Anh **Trần Thiết G** -sinh năm 1984; nơi cư trú tại: Khu G, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/9/2020 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Võ Thị N trình bày: Chị N và anh Trần Thiết G tự nguyện kết hôn với nhau ngày 10/8/2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (Nay là xã H), huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng nhau thuê nhà ở và làm thuê tại thành phố Hà Nội, thỉnh thoảng về thăm bố mẹ đẻ anh G. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

là do anh G không quan tâm tới vợ con và vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống. Mặc dù chị N và hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh G không thay đổi. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ ngày 08/9/2020 đến nay, vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục được, nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh G.

Tại bản tự khai ngày 28/10/2020, bị đơn là anh Trần Thiết G trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống đúng như chị Võ Thị N đã trình bày. Theo anh G, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng là do chị N khó tính, nói nhiều, nhiều khi hiểu lầm anh G. Còn anh G cũng có khi có lỗi với chị N trong cuộc sống. Nay chị N đề nghị ly hôn, anh G không đồng ý, vì anh xác định vẫn còn tình cảm yêu thương với chị N.

Về con chung: Hai bên thống nhất trình bày vợ chồng có 02 con chung là Trần Minh K- sinh ngày 26/3/2018, Trần Minh N- sinh ngày 17/02/2020. Hiện cháu K ở cùng anh G và bố mẹ đẻ anh G, cháu N ở cùng chị N. Nếu ly hôn, chị N đề nghị được trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con. Anh G đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Trần Minh K, chị N trực tiếp nuôi cháu Trần Minh N và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Hai bên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Võ Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn là anh Trần Thiết G trình bày là trong thực tế tình cảm vợ chồng không còn và cũng đồng ý ly hôn; các ý kiến, đề nghị về con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức, anh G giữ nguyên như quan điểm đã trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định:

- Về tổ tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào: khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, 3 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị N và anh Trần Thiết G.
2. Về con chung: Giao cho chị Võ Thị N trực tiếp nuôi 02 con chung là Trần Minh K- sinh ngày 26/3/2018, Trần Minh N - sinh ngày 17/02/2020. Anh Trần Thiết G không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không yêu cầu.
3. Về án phí: Chị Võ Thị N phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi Nền cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự: Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là “tranh chấp hôn nhân và gia đình” và nơi cư trú bị đơn là tại xã Hùng Việt, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu, ý kiến của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị N và anh G bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên, đó là hôn nhân hợp pháp. Lời trình bày của đương sự và chứng cứ thu thập được cho thấy, vợ chồng chị N, anh G chung sống hòa thuận được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp nhau về quan điểm sống, lối sống và anh G thiếu sự quan tâm tới vợ, con. Mặc dù chị N đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh G không thay đổi. Từ ngày 08/9/2020 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm tới nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên hai bên thuận tình ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị N và anh G hiện đều có chỗ ở, nghề Nộp ổn định và đều có đủ điều kiện nuôi con chung. Hiện cháu K đang ở cùng anh G và bố mẹ đẻ anh G, còn cháu N ở cùng chị N nhưng chị N vẫn thường xuyên đi lại chăm nom cháu K và 02 con chung của vợ chồng đều dưới 36 tháng tuổi, cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ, nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là giao 02 con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Việc anh G đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là không có căn cứ chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị N không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[4]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Hai bên không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 55; Điều 58; khoản 1, 3 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 luật thi hành án dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị N và anh Trần Thiết G.

2. Về con chung:

2.1. Giao 02 con chung là Trần Minh K- sinh ngày 26/3/2018, Trần Minh N- sinh ngày 17/02/2020 cho chị Võ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (Đủ 18 tuổi). Anh Trần Thiết G không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì chị N không yêu cầu.

2.2. Anh Trần Thiết G có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Võ Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003786 ngày 23/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị N đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã H;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vũ Văn Thắng